

Bản án số: 879/2024/HS-PT

Ngày: 24/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Bích Ngân
Ông Nguyễn Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Giang Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 741/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 707/2024/QĐXXPT-HS ngày 27/08/2024 đối với bị cáo Lê Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Thị H**, sinh năm 1970; Nơi thường trú: Thôn BC, xã LB, huyện ÚH, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị V (Đã chết); Chồng là Nguyễn Văn K; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2001, Công an huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Làm gái mại dâm”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án này còn có 01 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

- *Người bị hại không kháng cáo:* Bà Dư Thị V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn BC, xã LB, huyện ÚH, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2021, bà Dư Thị V mua thửa đất tại khu dân dân xóm C, thôn BC, xã LB, huyện ÚH, thành phố Hà Nội, diện tích 70 m². Do thửa đất này chưa

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khoảng cuối năm 2021 bà V có nói chuyện trên với Lê Thị H, là hàng xóm ở cùng thôn. Quá trình nói chuyện H nói chồng mình nhiều mối quan hệ có thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy bà V đã nhờ H làm giúp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đồng ý. Sau đó H cùng chồng là Nguyễn Văn K đến nhà ông Chu Văn T là cán bộ địa chính xã LB nhờ ông T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Qua trao đổi, ông T nói với vợ chồng K, H thửa đất của bà V là đất giãn dân, mua bán qua nhiều người chưa làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ thì theo thủ tục hành chính có làm được thì 45 ngày mới xong.

Sau đó, H thông báo với bà V chỉ phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết 30.000.000 đồng. Ngày 14/11/2021, bà V đến nhà H đưa cho vợ chồng K, H số tiền 30.000.000 đồng, có lập giấy biên nhận với nội dung thể hiện vợ chồng K, H nhận của bà V 30.000.000 đồng để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hẹn 02 tháng sau làm xong. Nếu không xong thì phải trả lại bà V 30.000.000 đồng.

Đến đầu năm 2022, do chưa làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V như đã hẹn. H tiếp tục đến gặp ông Trọng thì ông Tòng nói lại sẽ nhờ người đến đo đất. Sau đó, ông T liên hệ anh Đỗ Năng N là nhân viên Công ty đo đạc Miền Bắc đến đo đất cho nhà bà V. H liên hệ với anh Ngọc theo số điện thoại ông T cung cấp. Khi N đến đo đất, bà V đưa cho H 1.500.000 đồng để trả phí tiền đo đất, rồi H đưa lại cho anh N. Sau khi đo xong, anh N gửi kết quả cho ông T, ông T in tờ trích lục bản đồ đưa cho H, H đưa lại cho bà V. Một thời gian sau, H tiếp tục hỏi thì ông T nói lại thửa đất của nhà bà V chưa làm được sổ đỏ.

Do lâu không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V có đến nhà H đòi tiền nhiều lần nhưng H khát, chưa trả. Từ khoảng tháng 5 đến tháng 7/2023, H đưa cho bà V tiền 03 lần với tổng số tiền là 850.000 đồng (02 lần mỗi lần 120.000 đồng và 01 lần đưa 610.000 đồng). Đến ngày 21/8/2023, bà V có đơn trình báo đến Cơ quan công an về sự việc trên.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy biên nhận đề ngày 14/11/2021; 01 tài liệu kích thước khoảng (20,5x14) có chữ viết nội dung “Nộp tiền đất...đất sau nhà”; 01 USB nhãn hiệu Kingston, bên trong chứa 02 tệp âm thanh “731889F2ADC288F216B00973603C10FA tiếp tục trả lãi trả lãi cao.mp3” và “EC1FE2C4E7ACBC806D25D43BF1D7BCB trả lãi.mp3”, đã được niêm phong; 01 tệp âm thanh: Thoại 001.m4a có mã MD5: 1CC9B81F0338BA52726B3930CCB43BD3F được lưu trong đĩa CD, đã được niêm phong; 01 tệp âm thanh: Thoại 001 Lê Thị H.m4a có mã MD5: 1C0A224ED1BC21F780BE8D7ADFB5F9F4 được lưu trong đĩa CD, đã được niêm phong.

Ngày 25/10/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội ra bản kết luận giám định số 7061, kết luận:

“...V. KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH

1. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn K trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với

chữ ký đứng tên Nguyễn Văn K trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ ký do cùng một người ký ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Thị H trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1); Chữ viết “H” sau chữ viết “bầu triệu” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị H trên các mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không?”

Ngày 25/01/2024, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ứng Hoà đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 02 tập âm thanh do Lê Thị H cung cấp. Ngày 07/3/2024, Viện khoa học hình sự - Bộ công an có bản kết luận giám định số 706/KL-KTHS, kết luận:

“...V. KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH

- Không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập âm thanh cần giám định.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “tôi” và được gọi là “bà” trong các tập âm thanh cần giám định (ký hiệu “H” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) và tiếng nói của Lê Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “tôi” và được gọi là “cô” trong các tập âm thanh cần giám định (ký hiệu “V” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) và tiếng nói của Dư Thị V trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung âm thanh trong các tập âm thanh cần giám định đã được dịch ra thành văn bản.

Kèm theo Kết luận giám định gồm 01 (một) bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định gồm 5 trang giấy khổ A4”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 11/07/2024 Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị H 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/07/2024, bị cáo Lê Thị H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo có đơn kháng cáo là hợp lệ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm

nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Thị H 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo công nhận bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Lê Thị H có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H công nhận Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các kết luận giám định, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Cuối năm 2021, tại thôn BC, xã LB, huyện ÚH, thành phố Hà Nội, bị cáo Lê Thị H và chồng là bị cáo Nguyễn Văn K đã đưa ra thông tin gian dối là có nhiều mối quan hệ có thể làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dư Thị V để bà V tin tưởng đưa số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo Lê Thị H và bị cáo Nguyễn Văn K đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo Lê Thị H và Nguyễn Văn K đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 11/07/2024 Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt và xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo:

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; Sau khi xem xét ý kiến của bị hại và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo Lê Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền

sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại số tiền 30.000.000 đồng từ năm 2021 đến phiên tòa phúc thẩm vẫn chưa bồi thường khắc phục, khiến cho cuộc sống của gia đình bị hại thêm khó khăn và gây tâm lý rất bức xúc. Bị cáo và chồng đồng phạm về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó bị cáo có vai trò cao hơn, là người trực tiếp trao đổi, hứa hẹn và nhận tiền từ bị hại. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo để bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật và tích cực bồi thường khắc phục cho người bị hại.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo được giảm hình phạt tù nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo hướng giảm mức hình phạt tù, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **bị cáo Lê Thị H 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Về hiệu lực bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CQCSĐT huyện Ứng Hòa;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- TAND huyện Ứng Hòa;
- CQTHADS huyện Ứng Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ;

Trần Đức Hiếu